

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-9-2020

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Luân

Ông Dương Văn Hánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Cương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du: Bà Nguyễn Thị Mai Anh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 148/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Quê quán: Đội 3, xã N, huyện B, Hà Nam

Tạm trú: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trong các lời khai và tại phiên tòa hôm nay thì thấy:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Trần Minh T sinh ngày 16/8/1984 quê quán Đội 3, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam và có đăng ký tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh ngày 28/8/2019. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Sau đó phát sinh mâu thuẫn do chị phát hiện anh T nghiện ngập và nhiều lần lừa tiền của chị. Sau khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của chị thì anh T bỏ đi đâu chị không biết. Chị đã nhiều lần liên lạc nhưng anh T không trả lời; chị H đã liên hệ với bà Trần Thị T là mẹ đẻ anh T nhưng cũng không biết anh T đang ở đâu. Nay

chị xét thấy tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện T đã nhiều lần tiến hành làm việc với bà Trần Thị T là mẹ đẻ anh Trần Minh T để xác minh địa chỉ của anh T nhưng bà T xác nhận bà chỉ liên lạc với anh T qua điện thoại; các thông báo của Tòa án bà đã thông báo cho anh T biết và bà chỉ biết anh T đang đi làm ở Thanh Hóa còn địa chỉ anh T cũng không nói cho bà biết. Về yêu cầu của Tòa án bà đã thông báo cho anh T nhưng quan điểm của anh T là đồng ý ly hôn còn việc giải quyết tùy Tòa án quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trần Minh T.

Anh Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành làm việc.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của bà Trần Thị T là mẹ đẻ anh T về việc anh T đồng ý ly hôn và không cung cấp địa chỉ, ý kiến của anh T về cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dựa trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ và tranh luận, đối đáp của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51,56,57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn*” do nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện đối với bị đơn anh Trần Minh T có nơi cư trú cuối cùng tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay, anh T đã thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mà không thông báo cho chị H biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt. Bị đơn anh Trần Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Trần Minh T ngày 28/8/2019 và có đăng ký tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh theo đúng quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp cần chấp nhận. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện ngập và nhiều lần lừa tiền của chị H. Từ đầu tháng 6 năm 2020 anh T bỏ đi vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Anh T đã được Tòa án thông báo việc Tòa án đang giải quyết việc chị H xin ly hôn anh nhưng thông qua thân nhân của anh T cho biết anh đồng ý ly hôn nhưng không gửi ý kiến của mình và địa chỉ làm việc về cho Tòa án. Xét thấy, vợ chồng chị H, anh T không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, giải quyết cho hai người được ly hôn để đảm bảo cuộc sống riêng của mỗi người là phù hợp với pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Minh T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0000163 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án vắng mặt./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Xuân Phong